

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-01-2023

“V/v ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Mộng Lành

2. Bà Đoàn Thị Kiều Oanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1985 (có mặt);

2. *Bị đơn:* Chị Ngô Thị Bé H, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp YL, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện ngày 02/3/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày và yêu cầu như sau:*

Anh và chị Ngô Thị Bé H chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang chưa cấp giấy chứng nhận kết hôn. Anh và chị Ngô Thị Bé H chung sống với nhau có 01

con chung tên Nguyễn Tường D, sinh ngày 15/9/2006, hiện nay hiện đang chung sống với anh; về tài sản chung, anh và chị Ngô Thị Bé H không có tài sản chung; về nợ, anh và chị Ngô Thị Bé H không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống anh và chị Ngô Thị Bé H sống không hòa hợp, thống nhất việc làm trong gia đình, thường xuyên cự cãi với nhau, sống không hạnh phúc, chị Ngô Thị Bé H và anh đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 đến nay. Anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, anh yêu cầu được ly hôn với chị Ngô Thị Bé H. Về quan hệ con chung, khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tường D, sinh ngày 15/9/2006 theo nguyện vọng của con, anh không yêu cầu chị Ngô Thị Bé H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ, anh không yêu cầu giải quyết.

*\* Tại đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án ngày 26/12/2022, bị đơn chị Ngô Thị Bé H trình bày như sau:*

Chị Ngô Thị Bé H có công việc gia đình nên chị không thể tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm được. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt chị trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*\* Tại Bản trình bày nguyện vọng ngày 24/9/2022, Nguyễn Tường D trình bày:*

Nguyễn Tường D là con của anh Nguyễn Thanh T và chị Ngô Thị Bé H, địa chỉ: ấp YL, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang, từ khi cha và mẹ của Nguyễn Tường D không còn chung sống với nhau thì Nguyễn Tường D sống chung với cha là anh Nguyễn Thanh T. Nếu mẹ cha của Nguyễn Tường D ly hôn thì Nguyễn Tường D có nguyện vọng chung sống với cha là anh Nguyễn Thanh T, địa chỉ: ấp YL, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

*\* Tại biên bản xác minh ngày 07/10/2022, về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân:*

Chị Ngô Thị Bé H có nơi cư trú tại ấp YL, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang, hiện nay đi làm ăn, thường xuyên về thăm gia đình. Anh Nguyễn Thanh T và chị Ngô Thị Bé H chung sống phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hay cự cãi, bất hòa và hôn nhân không hạnh phúc. Anh Nguyễn Thanh T và chị Ngô Thị Bé H có 01 người con chung tên Nguyễn Tường D, sinh năm 2006, hiện đang được anh Nguyễn Thanh T chăm sóc và nuôi dưỡng.

*\* Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn Nguyễn Thanh T và Ngô Thị Bé H (Bản chính); Giấy chứng minh*

nhân tên Nguyễn Thanh T và sổ hộ khẩu (Bản sao); Giấy khai sinh tên Nguyễn Tường D, sinh ngày 15/9/2006 (Bản sao); Đơn xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 01 tháng 3 năm 2021 anh Nguyễn Thanh T (Bản chính); Văn bản trình bày nguyện vọng ngày 24 tháng 9 năm 2022 của Nguyễn Tường D (Bản chính); Biên bản xác minh ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Bản chính).

*\* Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T yêu cầu được ly hôn với chị Ngô Thị Bé H. Về quan hệ con chung, khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tường D, sinh ngày 15/9/2006 theo nguyện vọng của con, anh không yêu cầu chị Ngô Thị Bé H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ, anh và chị Ngô Thị Bé H không có tài sản chung, anh cam kết anh chị không có nợ, anh không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Ngô Thị Bé H có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của anh Nguyễn Thanh T yêu cầu được ly hôn với chị Ngô Thị Bé H và được nuôi dưỡng con chung là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Nguyễn Thanh T được ly hôn với chị Ngô Thị Bé H. Về quan hệ con chung, khi ly hôn giao người con chung của anh chị cho anh Nguyễn Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Nguyễn Thanh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ, anh Nguyễn Thanh T tự xác định và cam kết không

có tài sản chung, không tranh chấp, không có nợ, anh không yêu cầu giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T yêu cầu được ly hôn với bị đơn chị Ngô Thị Bé H và tranh chấp về nuôi con. Nguyên đơn và bị đơn đều nơi cư trú tại: ấp YL, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Ngô Thị Bé H biết và ấn định thời gian để chị có ý kiến về việc anh Nguyễn Thanh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp nuôi con với chị nhưng chị Ngô Thị Bé H không có ý kiến, yêu cầu gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị Ngô Thị Bé H vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị Ngô Thị Bé H, thì chị Ngô Thị Bé H có đơn yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Thanh T không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Ngô Thị Bé H theo quy định tại khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, anh Nguyễn Thanh T và chị Ngô Thị Bé H chung sống với nhau vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã Nam Yên, An Biên, Kiên Giang là nơi cư trú của anh chị*), được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 111/2010, quyển số: 01/2010 ngày 02 tháng 8 năm 2010, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp

luật công nhận theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nay là Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của anh Nguyễn Thanh T yêu cầu được ly hôn với chị Ngô Thị Bé H, thời gian anh và chị Ngô Thị Bé H sống không hòa hợp, không thống nhất việc làm trong gia đình, thường xuyên cự cãi với nhau, sống không hạnh phúc, chị Ngô Thị Bé H và anh đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 đến nay, anh thấy anh và chị Ngô Thị Bé H không còn tình cảm vợ chồng, anh yêu cầu được ly hôn với chị Ngô Thị Bé H nhưng chị Ngô Thị Bé H không có ý kiến yêu cầu gì, không quan tâm đến việc anh Nguyễn Thanh T yêu cầu ly hôn với chị là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà anh chị không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Thanh T cương quyết yêu cầu được ly hôn với chị Ngô Thị Bé H. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh T, cho anh Nguyễn Thanh T được ly hôn với chị Ngô Thị Bé H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, anh Nguyễn Thanh T và chị Ngô Thị Bé H chung sống với nhau có 01 người con chung tên Nguyễn Tường D, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2006. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Thanh T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung theo nguyện vọng của con anh chị và chị Ngô Thị Bé H không có ý kiến yêu cầu gì. Hội đồng xét xử thấy rằng, trình bày và yêu cầu của anh Nguyễn Thanh T phù hợp với nguyện vọng của con anh chị nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của anh Nguyễn Thanh T và nguyện vọng của con anh chị, giao người con chung của anh chị tên Nguyễn Tường D, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2006 cho anh Nguyễn Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh Nguyễn Thanh T không yêu cầu chị Ngô Thị Bé H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ: Anh Nguyễn Thanh T tự xác định không có, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Thanh T được ly hôn với chị Ngô Thị Bé H.

2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung của anh chị tên Nguyễn Tường D, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2006 cho anh Nguyễn Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con anh chị và hiện nay Nguyễn Tường D đang chung sống với anh Nguyễn Thanh T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Thanh T không yêu cầu chị Ngô Thị Bé H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Anh Nguyễn Thanh T tự xác định, không có, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

5. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004976 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Anh Nguyễn Thanh T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 12/01/2023. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Ủy ban nhân dân xã Nam Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP (Kiều).

**Trần Văn Thảo**